

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ C  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2022

V/v ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Lý;

Ông Lục Kim Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương T, sinh năm 1991; đăng ký thường trú: Tổ 19, khu phố 3, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1985; đăng ký thường trú: Tổ 19, khu phố 3, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trương T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn N chung sống từ năm 2011, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011, cấp ngày 13/12/2011, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, ông N thường hay uống rượu, đánh đập vợ con, không chăm lo cuộc sống gia đình. Bà T và ông N không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà T và ông N có 02 con chung là Nguyễn Y, sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn V, sinh ngày 22/10/2018. Từ khi vợ chồng sống xa nhau đến nay, cháu Y và cháu V sống với bà T. Nay bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Yến và cháu Vy.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu Yến và cháu Vy.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn Nguyễn N trình bày tại bản tự khai ngày 25/4/2022 và biên bản hòa giải ngày 26/4/2022 như sau:

Ông N thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, con chung, nợ chung, tài sản chung và mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tại vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nhưng ông N không đồng ý ly hôn với bà T vì sợ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con.

Về con chung: Trường hợp Tòa án xem xét giải quyết cho bà T ly hôn thì ông N đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông N không cấp dưỡng nuôi cháu Yến và cháu Vy.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương T, bị đơn ông Nguyễn N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông N

thường hay uống rượu, đánh đập vợ con, không chăm lo cuộc sống gia đình. Hiện nay, hai người không còn chung sống và không ai quan tâm đến cuộc sống của người còn lại. Nay bà T xin ly hôn với ông N để trả tự do cho nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, ông N thống nhất với lời trình bày của bà T về mâu thuẫn vợ chồng, xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nhưng ông N không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến cuộc sống các con.

Qua lời trình bày của các đương sự, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận cho bà T ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông N có 02 con chung là Nguyễn Y, sinh ngày 29/8/2013 và Nguyễn V, sinh ngày 22/10/2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2022 cháu Y có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà T. Ông N có ý kiến trường hợp Tòa án xem xét giải quyết cho bà T ly hôn thì ông N đồng ý giao cháu Y và cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó yêu cầu của bà T về quyền nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Ông N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi vợ chồng bà T, ông N ly hôn.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T yêu cầu ly hôn với ông N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương T với bị đơn ông Nguyễn N về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương T và ông Nguyễn N được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Trương T tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Y, sinh ngày 29/8/2013 và cháu Nguyễn V, sinh ngày 22/10/2018.

Ông Nguyễn N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Trương T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2016/0005493 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã N, huyện H, tỉnh Vĩnh Long;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Xuân**